

Số: 95/2020/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 08 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 72/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa:

Anh Bùi Văn C, sinh ngày 27 tháng 6 năm: 1987; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc ;

Chị Nguyễn Thị B, sinh ngày 13 tháng 8 năm: 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế .

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Bùi Văn C, sinh ngày 27 tháng 6 năm: 1987; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc ;

Chị Nguyễn Thị B, sinh ngày 13 tháng 8 năm: 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Phi T, sinh ngày 26/5/2007 hiện nay đang ở với chị B.

Hai đương sự thỏa thuận: Hiện nay cháu T có nguyện vọng ở với chị B vì vậy giao cháu T cho chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến

khi cháu T đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự thỏa thuận anh Bùi Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Nguyễn Phi T mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung: Cả hai đương sự xác nhận vợ chồng không có tài sản chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai đương sự xác nhận vợ chồng không có nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn C tự nguyện chịu toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/ 2007/ 0001734 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh C đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã L, h Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt